

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Vĩnh

Ông Cao Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: số A, đường B, ấp C, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Là Luật sư Bùi Khắc L, thuộc Chi nhánh Văn phòng Luật sư Ng tại Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: số A, đường B, ấp C, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17 tháng 11 năm 2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Phạm Thị H (chị H) trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn Th (anh Th) tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 23/3/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Từ tháng 09 năm 2021 đến nay chị H và anh Th đã ly thân và không còn chung sống với nhau; trong thời gian vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho phép chị H được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Thân Â, sinh ngày 31/8/2018 và cháu Nguyễn Phạm An Nh, sinh ngày 27/5/2021. Hiện các con đang ở với chị H, ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Xác định đến thời điểm hiện tại không có nợ chung, nợ riêng bất kỳ ai.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn gia đình như lời chị H trình bày là đúng. Từ tháng 09 năm 2021 đến nay chị H và anh Th đã ly thân và không còn chung sống với nhau; trong thời gian vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nay chị H yêu cầu được ly hôn thì anh Th cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Thân Â, sinh ngày 31/8/2018 và cháu Nguyễn Phạm An Nh, sinh ngày 27/5/2021. Hiện các con đang ở với chị H, ly hôn chị H yêu cầu được nuôi 02 con thì anh Th đồng ý giao các con cho chị H nuôi dưỡng; chăm sóc đến khi con thành niên và xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Xác định đến thời điểm hiện tại không có nợ chung, nợ riêng bất kỳ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần chị H và anh Th đến Tòa tham gia tố tụng nhưng do tình hình dịch Covid-19 và chị H đang nuôi con nhỏ nên không thể đến Tòa án làm việc được; chị H và anh Th đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nguyên đơn, bị đơn đến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống chị H và anh Th xảy ra mâu thuẫn, kể từ tháng 09 năm 2021 đến nay không còn sống chung với nhau, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa chị H và anh Th không còn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

+ Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi các con đến khi thành niên, trong khi đó anh Th cũng đồng ý giao các con cho chị H nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao các con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu được nuôi các con nhưng không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị H, anh Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị H, anh Th xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị H khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ cho nguyên đơn chị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; bị đơn anh Th đến Tòa tham gia tố tụng nhưng chị H; anh Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền

và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có gửi Văn bản Luận cứ bảo vệ cho nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị H và anh Th tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 23/3/2018, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Th được xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Th. Anh Th có nơi cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân thì thấy rằng: Sau khi kết hôn chị H và anh Th chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Từ tháng 09 năm 2021 đến nay anh chị H và anh Th không còn chung sống với nhau, trong thời gian vợ chồng sống ly thân giữa chị H và anh Th không còn quan tâm gì đến nhau. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Th là trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn cho chị H được ly hôn với anh Th là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[3.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện họ tên cháu Nguyễn Văn Thân A, sinh ngày 31/8/2018 và cháu Nguyễn Phạm An Nh, sinh ngày 27/5/2021 có họ tên người mẹ Phạm Thị H, họ tên người cha Nguyễn Văn Th; Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định các cháu Ân và Nhiên là con chung của chị H và anh Th.

Xét yêu cầu nuôi con của chị H thì thấy rằng: Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không ở chung với nhau nên chị H đã đưa các con ra ở riêng. Hiện tại các con đang sống ổn định với chị H. Chị H có công việc và thu nhập khá ổn định có khả năng tự chăm sóc các con, ly hôn chị H không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trong khi đó, ly hôn anh Th cũng đồng ý giao

các con cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, cần tiếp tục giao các con cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu được nuôi các con nhưng không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[3.4] Về tài sản chung: Chị H, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3.5] Về nợ chung: Chị H, anh Th xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.6] Về án phí: Chị H khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H đối với anh Nguyễn Văn Th về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2018 ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Thân A, sinh ngày 31/8/2018 và cháu Nguyễn Phạm An Nh, sinh ngày 27/5/2021 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Phạm Th H phải chịu nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng, chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đạ Huoai (02);
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai (02);
- UBND xã Đoàn Kết, huyện Đạ Huoai (01);
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Luật sư (01);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Án văn (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lập